

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Số: 2024/NQ-HĐND

ĐU THẢO

(Đã tiếp thu ý kiến
thẩm tra của Ban VHXH)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày tháng năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng
trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2024 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHOÁ X, KỲ HỌP THỨ.....**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bảo hiểm y tế số ngày
13 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của
Luật Bảo hiểm y tế;*

*Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của
Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị định số 75/2023/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2023 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP
ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện
pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;*

Thực hiện Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ

tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025;

Thực hiện Quyết định số 546/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chỉ tiêu thực hiện bao phủ bảo hiểm y tế giai đoạn 2022-2025;

Xét Tờ trình số 62/TTr-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 29/BC-HĐND-VHXXH ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Ban văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2024 - 2025.

2. Đối tượng áp dụng

a) Người thuộc hộ gia đình cận nghèo theo chuẩn hộ cận nghèo giai đoạn 2022-2025 quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP.

b) Người dân tộc thiểu số thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình theo chuẩn hộ có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP sinh sống trên các địa bàn sau: ngoài các xã khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg; các xã khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg có quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.

c) Người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình theo chuẩn hộ có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP (không bao gồm đối tượng tại điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này) sinh sống trên các địa bàn sau: ngoài các xã khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg; các xã khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg có quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.

d) Người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại địa bàn các xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020 mà các xã này không còn trong danh sách các xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

d) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ, nguyên tắc hỗ trợ

1. Mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ 30% mức đóng bảo hiểm y tế cho đối tượng quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này.

b) Hỗ trợ 65% mức đóng bảo hiểm y tế cho đối tượng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này.

c) Hỗ trợ 60% mức đóng bảo hiểm y tế cho đối tượng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này.

2. Thời gian hỗ trợ

Theo thời gian thực tế tham gia bảo hiểm y tế kể từ ngày Nghị quyết có hiệu lực đến ngày 31/12/2025.

3. Nguyên tắc hỗ trợ

Mức hỗ trợ trên do địa phương cân đối từ các nguồn kinh phí để hỗ trợ thêm ngoài mức trung ương đã hỗ trợ cho các nhóm đối tượng trên theo quy định. Trường hợp một người thuộc nhiều nhóm đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế thì được hưởng theo đối tượng có mức hỗ trợ cao nhất.

Điều 3. Kinh phí thực hiện

Từ nguồn ngân sách tỉnh giao trong dự toán ngân sách địa phương hằng năm giai đoạn 2024 - 2025.

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

Các đối tượng tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này đã tham gia bảo hiểm y tế trước ngày Nghị quyết có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện cho đến hết thời hạn sử dụng của thẻ bảo hiểm y tế.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 - 2025; Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị

quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020-2025.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ 15 thông qua ngày tháng năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngàytháng 7 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ TC, Bộ KH vàĐT, Bộ LĐ - TB và XII, Bộ TP (Cục kiểm tra văn bản);
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- TTTU, TTHĐND, Đoàn ĐBQH. UBND, BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm phục vụ hành chính công;
- LĐVP, các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH